BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1149/QĐ-ĐHĐT ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

Tên chương trình : Sư phạm Mĩ thuật
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Sư phạm Mĩ thuật
Hình thức đào tạo : Chính quy
Khóa đào tạo : 2018

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				TQ	HT	SH	
A. Kiến thức giáo dục đại cương			**32**				
I. Học phần bắt buộc			**28**				
1.1. Ngoại ngữ			**5**				
1	GE4410	Tiếng Anh 1	3				1
2	GE4411	Tiếng Anh 2	2		GE4410		2
1.2. Giáo dục quốc phòng			**8**				
1	GE4149	Đường lối quân sự của Đảng	3				2
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh	2		GE4149		3
3	GE4153	Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK	3		GE4150		4
1.3. Giáo dục thể chất			**3**				
1.3.1. Học phần bắt buộc			**1**				
1	GE4306	Giáo dục thể chất 1	1				1
1.3.2. Học phần tự chọn (chọn ít nhất 2 TC)			**2**				
1	GE4321	Bóng đá	2		GE4306		2
2	GE4323	Cầu lông	2		GE4306		2
3	GE4327	Cờ vua	2		GE4306		2
4	GE4322	Bóng chuyền	2		GE4306		2
5	GE4324	Khiêu vũ thể thao	2		GE4306		2
6	GE4326	Võ thuật Karatedo	2		GE4306		2
7	GE4325	Võ thuật Vovinam	2		GE4306		2
8	GE4331	Bơi lội	2		GE4306		2
1.4. Đại cương chung			**12**				
1	GE4038A	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2				1
2	GE4039	Pháp luật Việt Nam đại cương	2				1
3	GE4038B	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3		GE4038A		2
4	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		GE4038B		3
5	GE4011	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3				4
II. Học phần tự chọn			**4**				
1	GE4049	Tiếng việt thực hành	2				1
2	GE4407	Hình thành và phát triển kỹ năng mềm	2				1
3	GE4081	Nhập môn toán cao cấp	2				2

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				TQ	HT	SH	
4	GE4112	Nhập môn khoa học giao tiếp	2				3
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**106**				
I. Kiến thức cơ sở nhóm ngành			**12**				
1.1. Học phần bắt buộc			**10**				
1	GE4045	Tâm lý học đại cương	2				1
2	GE4017	Giáo dục học đại cương	2				2
3	GE4078	Tâm lý học trung học	2		GE4045		3
4	GE4075	Giáo dục học trung học	2		GE4017		4
5	GE4111	Quản lý HCNN và QL ngành GD	2				7
1.2. Học phần tự chọn (chịn ít nhất 2 TC)			**2**				
1	GE4030	Mỹ học đại cương	2				1
2	GE4003	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2				2
II. Kiến thức cơ sở ngành			**23**				
2.1. Học phần bắt buộc			**19**				
1	PA4001	Định luật xa gần	2				1
2	PA4002N	Giải phẫu tạo hình	3				1
3	PA4009	Khoa học màu sắc	2				1
4	PA4010	Lịch sử mỹ thuật thế giới	3				3
5	PA4011	Lịch sử mỹ thuật Việt nam	2				3
6	PA4228	Lý luận dạy học bộ môn	2				4
7	GE4040E	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2				5
8	PA4026	Điêu khắc	3				6
2.2. Học phần tự chọn (chọn ít nhất 4 tín chỉ)			**4**				
1	PA4229	Nghiên cứu mỹ thuật cổ	2				1
2	PA4024	Nghệ thuật học	2				2
3	PA4230	Hoạt động mỹ thuật ngoài giờ lên lớp	2				5
4	PA4231	Mỹ thuật đương đại	2				7
5	PA4014	Mỹ thuật học	2				7
6	PA4232	Chất liệu tổng hợp	2				7
7	PA4233	Nghệ thuật thiết kế	2				7
III. Kiến thức chuyên ngành			**57**				
3.1. Nhóm kiến thức bắt buộc			**55**				
1	PA4118	Hình họa 1	3		PA4002		1
2	PA4121	Hình họa 2	3		PA4118		2
3	PA4133	Ký họa thực tế 1	3				2
4	PA4027	Trang trí 1	3				2
5	PA4028	Trang trí 2	3		PA4027		3
6	PA4005	Hình họa 3	4		PA4121		3
7	PA4101	Bố cục 1	3				3
8	PA4213	Bố cục 2	4		PA4211		4
9	PA4224	Trang trí 3	4		PA4028		4
10	PA4134	Ký họa thực tế 2	3				4
11	PR4106N	Phương pháp dạy học mỹ thuật	3				5
12	PA4006	Hình họa 4	4		PA4005		5
13	PA4135	Ký họa thực tế 3	3				6
14	PA4107	Bố cục 3	4		PA4213		6
15	PA4221	Bố cục 4	4		PA4107		7
16	PA4223	Bố cục 5	4		PA4221		8

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				TQ	HT	SH	
3.2. Phần học tự chọn			**2**				
1	PA4234	Tin học chuyên ngành Corel Draw	2		EC4006		7
2	PA4235	Tin học chuyên ngành Photoshop	2				7
IV. Thực hành, thực tập nghề nghiệp			**14**				
1	PA4402N	Rèn luyện NVSPTX 1	2				2
2	PA4403N	Rèn luyện NVSPTX 2	2		PA4402		4
3	PA4404N	Rèn luyện NVSPTX 3	2		PA4403		5
4	GE4403	Kiến tập sư phạm	2				5
5	PA4698	Thực tập tốt nghiệp	6				8
Tổng số TCTL			**138**				